

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHÍNH THỨC
MÔN: NGŨ VĂN

(Hướng dẫn chấm gồm có 02 trang)

I. Hướng dẫn chung

1. Giám khảo cần nắm vững hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.

2. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

3. Việc chi tiết hoá điểm số của các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi ý và được thống nhất trong Hội đồng chấm thi.

II. Đáp án và thang điểm

Câu 1: (1,0 điểm)

	Đáp án	Điểm
a.	- Hình ảnh đặc sắc nhất trong khổ thơ: <i>Đầu súng trắng treo.</i>	0,25
	- Ý nghĩa biểu tượng: hiện thực và lãng mạn, chất chiến đấu và chất trữ tình, biểu tượng đẹp về chân dung hình tượng người lính Cụ Hồ trong những năm kháng chiến chống Pháp.	0,25
b.	- Phép tu từ nhân hóa (<i>sóng dềnh dàng, chim vội vã, mây vắt nửa mình</i>).	0,25
	- Tác dụng: thể hiện sinh động bức tranh thiên nhiên đặc sắc trong thời khắc giao mùa cuối hạ đầu thu.	0,25

Câu 2: (3,0 điểm)

	<p>a. Yêu cầu về kĩ năng. Biết cách làm một bài văn nghị luận xã hội: Trình bày vấn đề một cách hợp lí, lập luận sắc sảo, dẫn chứng cụ thể, kết cấu chặt chẽ, bố cục rõ ràng. Văn viết mạch lạc, dùng từ chính xác. Chữ viết sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.</p> <p>b. Yêu cầu về kiến thức. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cơ bản đáp ứng được các ý chính sau :</p>	
1.	Nêu vấn đề nghị luận.	0,5
2.	Giải thích: Trung thực là tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lí lẽ phải, sống ngay thẳng, thật thà và dũng cảm nhận lỗi khi mình mắc khuyết điểm.	0,5

3.	<p>Trình bày những suy nghĩ về tính trung thực và thái độ trung thực trong kiểm tra, thi cử:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung thực là đức tính cần thiết, quý báu của mỗi con người (những biểu hiện của tính trung thực, lợi ích của tính trung thực...). - Thái độ trung thực trong kiểm tra, thi cử hiện nay (những biểu hiện, tác dụng...). - Phê phán những biểu hiện thiếu trung thực trong cuộc sống và trong kiểm tra, thi cử. - Xây dựng ý thức trung thực, biểu dương những tấm gương, những việc làm trung thực. 	1,5
4.	Liên hệ bản thân, rút ra bài học.	0,5

Câu 3: (6,0 điểm)

	<p>a. Yêu cầu về kĩ năng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách làm bài văn nghị luận văn học: Bài viết có bố cục rõ ràng, dùng từ chính xác, dẫn chứng tiêu biểu, hợp lí, văn viết mạch lạc, giàu hình ảnh cảm xúc, có sức thuyết phục. Chữ viết sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. <p>b. Yêu cầu về kiến thức.</p> <p>Trên cơ sở hiểu biết về đoạn thơ <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>: những nét chính về tác giả, hoàn cảnh ra đời, giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, vị trí đoạn trích..., thí sinh cần làm rõ nhận định "<i>Kiều ở lầu Ngưng Bích là một trong những đoạn miêu tả nội tâm nhân vật thành công nhất trong Truyện Kiều bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình</i>". Thí sinh có nhiều cách trình bày khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý chính sau:</p>	
1.	Nêu vấn đề nghị luận.	0,5
2.	<p>Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả nội tâm: là tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc và diễn biến tâm trạng nhân vật. - Tả cảnh ngụ tình: là mượn cảnh vật để gửi gắm tâm trạng, tình cảm. <p>→ Nhận định xác đáng, khẳng định sự thành công của ngòi bút Nguyễn Du trong việc khắc họa nội tâm nhân vật bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình.</p>	1,0
3.	<p>Làm sáng tỏ nhận định của đề bài:</p> <p>a. Hoàn cảnh tội nghiệp, tâm trạng cô đơn của Kiều (sáu câu thơ đầu).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảnh (<i>non xa, trăng gần, cát vàng, bụi hồng, mây sớm, đèn khuya</i>): không gian mênh mông, rợn ngợp, thời gian tuần hoàn, khép kín... - Tình: trợ trợ cô đơn, bẽ bàng buồn tủi. 	1,0
	<p>b. Nỗi nhớ của Kiều với những người thân thiết (tám câu thơ tiếp theo).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhớ chàng Kim: cảnh (<i>dưới nguyệt chén đồng, bên trời góc bể...</i>); tình: tưởng nhớ với tâm trạng đau đớn xót xa. - Nhớ cha mẹ: cảnh (<i>quạt nồng ấp lạnh, sân Lai, gốc tử</i>); tình: nỗi nhớ và tấm lòng hiếu thảo. 	1,0
	<p>c. Tâm trạng buồn lo của Kiều (tám câu thơ cuối).</p>	2,0

	<p>- Bốn bức tranh là tả cảnh nhưng thực sự là tình, mỗi bức tranh đều bắt đầu bằng hai tiếng <i>Buồn trông</i> (tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này).</p> <p>- Cảnh: <i>cánh buồm thấp thoáng, hoa trôi man mác, nội cỏ rầu rầu, tiếng sóng âm âm; tình:</i> nỗi cô đơn, thân phận vô định, nỗi buồn tha hương, nỗi kinh hoàng lo sợ.</p> <p>- Cảnh: từ xa đến gần, màu sắc từ đậm đến nhạt, âm thanh từ tĩnh đến động; tình: từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ.</p>	
4.	<p>Tổng hợp, đánh giá:</p> <p>- Nhận định trên đã đánh giá sâu sắc sự thành công của đoạn thơ: nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật Thúy Kiều bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du vô cùng điêu luyện: thiên nhiên được tâm trạng hóa với cấp độ ngày càng cao, thể hiện diễn biến từ buồn nhớ, cô đơn đến hốt hoảng, âu lo của Kiều.</p> <p>- Nguyễn Du thể hiện xúc động cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi và tấm lòng vị tha, thủy chung, hiếu thảo của Kiều. Cảm hứng nhân đạo và nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình của tác giả <i>Truyện Kiều</i> làm nên giá trị văn chương đích thực của đoạn thơ.</p>	0,5

-----HẾT-----